

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001 - Toán ứng dụng 1

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Anh	Tuấn	3671030031	06/10/1994	4,10	,00	1,20	
2	Đàm Quang	Huy	3671030042	25/08/1992	1,90	,00	,60	
3	Hồ Quốc	Bảo	3671030049	14/03/1994	3,70	,00	1,10	
4	Phan Bá	Cầu	3671030067	23/12/1994	5,30	,00	1,60	
5	Đỗ Trọng	Nguyên	3671030069	04/03/1994	3,80	,00	1,10	
6	Văn Công Tuấn	Anh	3671030072	07/05/1993	3,30	,00	1,00	
7	Đỗ Nhựt	Minh	3671030096	14/09/1994	3,80	1,80	2,40	
8	Trần Phạm Thanh	Tài	3671030098	16/10/1994	2,70	,00	,80	
9	Võ Hoàng	Nam	3671030099	26/08/1994	1,80	,00	,50	
10	Dương Trung	Quốc	3671030102	01/01/1994	3,70	,80	1,70	
11	Lý Thế	Diễn	3671030111	25/08/1994	4,00	,80	1,80	
12	Lê Hạnh	Toàn	3671030114	06/08/1994	2,80	,00	,80	
13	Nguyễn Thanh	Trọng	3671030116	02/11/1994	1,80	,00	,50	
14	Lê Đức	Huy	3671030122	12/02/1993	4,30	2,80	3,20	
15	Nguyễn Bảo	Quốc	3671030138	17/10/1994	3,20	4,30	4,00	
16	Nguyễn Thành	Phúc	3671030152	16/07/1994	2,70	,00	,80	
17	Nguyễn Nhật	Nam	3671030154	20/11/1994	5,90	,00	1,80	
18	Lê Quang	Huy	3671030157	16/07/1994	2,90	,50	1,20	
19	Lê Xuân	Thông	3671030163	01/01/1994	3,30	1,30	1,90	
20	Lương Hoàng	Lộc	3671030188	20/07/1994	2,80	,00	,80	
21	Huỳnh Bạch Duy	Phát	3671030191	06/05/1994	3,30	3,00	3,10	
22	Trần Huy	Bảo	3671030209	12/03/1993	3,00	2,00	2,30	
23	Hồ Võ Quốc	Bảo	3671030215	20/09/1994	4,10	,30	1,40	
24	Nguyễn Thanh	Tinh	3671030219	14/09/1991	2,50	4,50	3,90	
25	Nguyễn Danh	Tài	3671030222	06/06/1994	3,60	2,30	2,70	
26	Nguyễn Hữu	Phiến	3671030225	24/07/1994	,90	,00	,30	
27	Bùi Phan Tín	Đông	3671030227	24/08/1994	3,00	,50	1,30	
28	Phạm Duy	Tuấn	3671030241	09/03/1994	6,20	6,00	6,00	
29	Nguyễn Thế	Chiến	3671030243	28/02/1993	4,30	1,30	2,20	
30	Phạm An	Khang	3671030256	05/09/1994	3,40	2,00	2,40	
31	Tăng Thanh	Hùng	3671030258	10/05/1992	1,70	,30	,70	
32	Lê Minh	Nhật	3671030263	22/08/1994	3,90	1,50	2,20	
33	Nguyễn	Hoàng	3671030268	24/06/1994	3,80	,00	1,10	
34	Huỳnh Đông	Khoa	3671030279	10/02/1993	3,20	4,30	4,00	
35	Nguyễn Thị	Nết	3671030286	11/10/1994	5,00	2,50	3,30	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phạm Hà Việt	Anh	3671030295	17/11/1993	4,20	,00	1,20	
37	Nguyễn Vũ	Đức	3671030296	16/08/1994	3,30	2,50	2,70	
38	Lý Văn	Đức	3671030297	17/09/1991	3,30	,00	1,00	
39	Lê Nhựt	Thanh	3671030298	03/09/1994	3,20	,00	,90	
40	Trương Hoài	Trưởng	3671030301	09/08/1994	5,00	3,50	4,00	
41	Nguyễn Quốc	Trung	3671030303	27/09/1994	3,30	,00	1,00	
42	Nguyễn Tấn	Thức	3671030305	15/06/1994	5,90	1,30	2,70	
43	Phạm Trọng	Hậu	3671030306	08/09/1994	5,30	,00	1,60	
44	Lê Hồng	Thịnh	3671030309	22/09/1994	4,80	4,30	4,50	
45	Dương Ngọc	Thịnh	3671030313	02/03/1994	2,70	1,30	1,70	
46	Ngô Việt	Lâm	3671031630	15/02/1990	2,70	,00	,80	
47	Võ Chấn	Khang	3671031909	14/07/1994	5,30	4,50	4,70	
48	Nguyễn Văn	Trọng	3671031974	11/12/1993	,00	,00	,00	
49	Huỳnh Quốc	Đạt	3671032025	21/11/1994	3,80	2,30	2,70	
50	Ngô Hồng	Kha	3671032053	13/11/1993	2,40	1,50	1,80	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)